

Số: 1704/QĐ-ĐHYD

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 8 năm 2021

## QUYẾT ĐỊNH

### Ban hành Quy định Mã hóa tên học phần các chương trình đào tạo

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14/5/2020 của Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-HĐTTĐHYD ngày 10/8/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 927/ĐHTN-ĐT ngày 22/9/2008 về việc xây dựng và sử dụng mã môn học của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 về việc Ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ kết luận cuộc họp Ban xây dựng mã hóa tên học phần trong các chương trình đào tạo, ngày 20 tháng 8 năm 2021;

Xét đề nghị của Trường phòng Đào tạo.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định mã hóa tên học phần các chương trình đào tạo của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, áp dụng cho tất cả các chương trình đào tạo trình độ đại học và sau đại học tuyển sinh từ năm học 2021 - 2022 và thay thế Quyết định số 2188/QĐ-ĐHYD ngày 02/11/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên.

**Điều 3.** Các ông (bà) trưởng các đơn vị, phòng, khoa, bộ môn và các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐT.

  
HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
TS. Nguyễn Phương Sinh

## QUY ĐỊNH

### Mã hóa tên học phần các chương trình đào tạo

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1704 /QĐ-ĐHYD ngày 24 tháng 8 năm 2021  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược)

## CHƯƠNG I

### NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với tất cả các học phần thuộc các chương trình đào tạo trình độ đại học và sau đại học tại Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên.

#### Điều 2. Mục đích mã hóa học phần

1. Để thống nhất quản lý các học phần thuộc các chương trình đào tạo trình độ đại học và sau đại học, thuận lợi cho việc dạy và học liên thông giữa các ngành/chuyên ngành có cùng mã học phần;
2. Giúp người học tìm hiểu, tra cứu, theo dõi hệ thống học phần trong chương trình đào tạo; giúp cán bộ theo dõi, quản lý công tác đào tạo.
3. Thuận lợi cho việc áp dụng phần mềm trong công tác quản lý đào tạo.

#### Điều 3. Yêu cầu với mã học phần

1. Phù hợp với thông lệ quốc tế;
2. Mỗi học phần có một mã riêng;
3. Nhận diện được ngành/chuyên ngành, trình độ, vị trí, khối lượng kiến thức của học phần trong chương trình đào tạo.

#### Điều 4. Cấu trúc và quy ước ký hiệu

1. Phương pháp mã hóa theo kiểu ký tự quy ước.
2. Mã tên học phần gồm 8 ký tự:  $X_1X_2X_3X_4X_5X_6X_7X_8$  trong đó  $X_1X_2X_3X_4$  là các chữ cái in hoa,  $X_5X_6X_7X_8$  là các ký tự số tự nhiên.

## CHƯƠNG II

### QUY ƯỚC ĐÁNH MÃ HỌC PHẦN

#### Điều 5. Quy định ký tự $X_1X_2$

Là tên viết tắt của ngành/chuyên ngành đào tạo:

1. Với tên ngành/chuyên ngành có 01 tiếng: lấy hai chữ cái đầu tiên của tên ngành/chuyên ngành. Nếu tên ngành/chuyên ngành có hai chữ cái đầu trùng với

ngành/chuyên ngành đã được sử dụng thì lấy chữ cái đầu tiên của tiếng rồi lấy chữ cái thứ ba, nếu vẫn trùng thì lấy sang chữ cái thứ tư, thứ năm...

2. Với ngành/chuyên ngành có tên từ 02 tiếng trở lên: lấy chữ cái đầu tiên của tiếng thứ nhất và chữ cái đầu tiên của tiếng thứ 2 trong tên ngành/chuyên ngành, nếu có sự trùng lặp với ngành/chuyên ngành đã được sử dụng thì lấy chữ cái đầu tiên của tiếng thứ nhất và chữ cái thứ 2 của tiếng thứ 2, nếu vẫn trùng thì lấy sang chữ cái thứ 3 của tiếng thứ 2...

TT	Ngành/Chuyên ngành	X <sub>1</sub> X <sub>2</sub>
1	Y khoa	YK
2	Dược học	DH
3	Y học dự phòng	YH
4	Điều dưỡng	ĐD
5	Răng - Hàm - Mặt	RH
6	Kỹ thuật xét nghiệm y học	KT
7	Hộ sinh	HS
8	Nội khoa	NK
9	Ngoại khoa	NH
10	Sản phụ khoa	SP
11	Nhi khoa	NO
12	Chẩn đoán hình ảnh	CD
13	Da liễu	DL
14	Gây mê hồi sức	GM
15	Lao	LA
16	Nhãn khoa	NA
17	Tai - Mũi - Họng	TM
18	Ung thư	UT
19	Tâm thần	TT
20	Y học gia đình	YO
21	Dược lý - Dược lâm sàng	DL
22	Xét nghiệm y học	XN
23	Y tế công cộng	YT
24	Y học cổ truyền	YC
25	Phục hồi chức năng	PH
26	Học phần nhiều ngành cùng học	HC

#### **Điều 6. Quy định ký tự X<sub>3</sub>X<sub>4</sub>**

Là tên viết tắt tiếng Việt của học phần:

1. Với học phần có 01 tiếng: lấy hai chữ cái đầu tiên của tên học phần. Nếu mã học phần trùng với các mã học phần khác thì lấy chữ cái đầu tiên của tiếng rồi lấy chữ cái thứ ba, nếu vẫn trùng thì lấy sang chữ cái thứ tư, thứ năm...

2. Với học phần có tên từ 02 tiếng trở lên: lấy chữ cái đầu tiên của tiếng thứ nhất và chữ cái đầu tiên của tiếng thứ hai trong tên học phần, nếu có sự trùng lặp với các mã học phần khác thì lấy chữ cái đầu tiên của tiếng thứ nhất và chữ cái thứ hai của tiếng thứ hai, nếu vẫn trùng thì lấy sang chữ cái thứ ba của tiếng thứ hai...

3. Với các học phần mà từ đầu tiên của tên học phần trùng với tên của ngành/chuyên ngành thì không sử dụng từ đầu tiên của tên học phần đó mà qui tắc bắt đầu từ từ thứ hai.

Ví dụ:

TT	Tên học phần	X <sub>3</sub> X <sub>4</sub>
1	<u>T</u> ư <u>t</u> ưởng Hồ Chí Minh	TT
2	<u>T</u> in <u>h</u> ọc đại cương	TH
3	<u>T</u> in <u>h</u> ọc ứng dụng	TO
4	Nội <u>h</u> ộ <u>h</u> ấp	HH

#### Điều 7. Quy định ký tự X<sub>5</sub>

Là ký tự số thể hiện bậc học của ngành/chuyên ngành đào tạo. Cụ thể:

TT	Trình độ	X <sub>5</sub>
1	Đại học	1
2	Bác sĩ nội trú	2
3	Chuyên khoa I	3
4	Chuyên khoa II	4
5	Thạc sĩ	5
6	Tiến sĩ	6

#### Điều 8. Quy định ký tự X<sub>6</sub>

Là ký tự số thể hiện vị trí của học phần trong chương trình đào tạo. Cụ thể:

STT	Vị trí học phần trong chương trình đào tạo	X <sub>6</sub>	
1	Các học phần thuộc khối kiến thức cơ bản/kiến thức chung	Bắt buộc	0
		Tự chọn	1
2	Các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở	Bắt buộc	2
		Tự chọn	3
3	Các học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành	Bắt buộc	4
		Tự chọn	5
4	Các học phần thực tế tốt nghiệp, môn thi tốt nghiệp	6	
5	Chuyên đề tiến sĩ/ Tiểu luận tổng quan/Khóa luận tốt nghiệp	7	
6	Luận văn thạc sĩ/ BSNT/CKII	8	
7	Luận án tiến sĩ	9	

### **Điều 9. Quy định ký tự X<sub>7</sub>**

Là ký tự số để phân biệt các học phần có thứ tự khác nhau của cùng một môn học. Nếu môn học chỉ có một học phần thì X<sub>7</sub> là 1; nếu môn học có từ 02 học phần trở lên thì X<sub>7</sub> lần lượt là 1, 2, ...

*Ví dụ:*

<b>TT</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>X<sub>7</sub></b>
1	Tiếng Anh 1	1
2	Tiếng Anh 2	2
3	Tiếng Anh 3	3
4	Tiếng Anh 4	4
5	Bệnh học	1

### **Điều 10. Quy định ký tự X<sub>8</sub>**

Là ký tự số thể hiện khối lượng kiến thức (số tín chỉ) của học phần.

## **CHƯƠNG III TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 11. Trách nhiệm của Phòng Đào tạo**

Phòng Đào tạo hướng dẫn các Khoa/Bộ môn thực hiện việc mã hóa cho các học phần thuộc chương trình đào tạo.

Tổng hợp, báo cáo và trình Hiệu trưởng phê duyệt ban hành các CTĐT có các học phần đã được mã hóa. Trong quá trình tổng hợp bản mã hóa các học phần, nếu phát hiện có sự trùng lặp, phòng Đào tạo thực hiện việc mã hóa theo quy định và báo lại các Khoa/Bộ môn có liên quan.

### **Điều 12. Trách nhiệm của Khoa/Bộ môn**

Các Khoa/Bộ môn căn cứ quy định này thực hiện mã hóa cho các học phần thuộc Khoa/Bộ môn giảng dạy.

### **Điều 13. Điều khoản thi hành**

Quy định này áp dụng cho tất cả các chương trình đào tạo trình độ đại học và sau đại học tuyển sinh từ năm học 2021 - 2022. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề vướng mắc cần bổ sung, sửa đổi, đề nghị phản ánh về phòng Đào tạo để tổng hợp, báo cáo Hiệu trưởng xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:** 

- Ban Giám hiệu (để b/c);
- Các khoa, bộ môn;
- Các phòng chức năng;
- Website;
- Lưu VT, ĐT.

 **HIỆU TRƯỞNG**  
  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**  
**TS. Nguyễn Phương Sinh**